

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

**Giấy chứng nhận Đầu tư số** 451033000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười một lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 24 tháng 10 năm 2012. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012 đến ngày 1 tháng 11 năm 2012)
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Ông Thái Văn Chuyên	Thành viên (từ ngày 1 tháng 11 năm 2012)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
	Ông Phạm Hồng Dương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
	Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc Nông nghiệp
	Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc Thương Mại
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Giám đốc Tài chính Đầu tư (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Giám đốc Hỗ trợ (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Giám đốc Nhà máy (từ ngày 1 tháng 8 năm 2012)	

**Trụ sở đăng ký** Xã Tân Hưng  
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

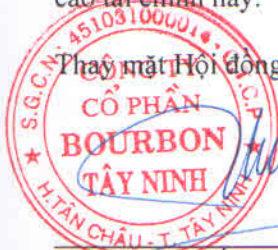
**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 51 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đặng Huỳnh Ước My

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 51. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-01-245



Chang Hùng Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hảo  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 01 - DN**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.421.289.426.760</b>	<b>1.009.833.787.650</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>110.669.897.291</b>	<b>88.725.909.901</b>
Tiền	111		110.669.897.291	68.725.909.901
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>11</b>	<b>202.458.604.234</b>	<b>90.358.494.207</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		297.983.547.843	90.358.494.207
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(95.524.943.609)	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>729.502.883.593</b>	<b>547.632.290.503</b>
Phải thu khách hàng	131		264.032.376.939	180.726.157.576
Trả trước cho người bán	132		418.517.643.528	237.403.931.948
Các khoản phải thu khác	135		69.995.237.367	148.040.363.820
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(23.042.374.241)	(18.538.162.841)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>339.388.288.019</b>	<b>280.342.522.032</b>
Hàng tồn kho	141		339.630.844.906	280.585.078.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>39.269.753.623</b>	<b>2.774.571.007</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.332.668.947	70.400.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.357.450.779	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.579.633.897	2.704.171.007
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.213.104.199.105</b>	<b>1.295.954.739.048</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6</b>	<b>54.686.136.164</b>	<b>60.589.093.860</b>
Phải thu dài hạn khác	218		54.686.136.164	60.589.093.860
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>645.580.386.104</b>	<b>652.896.228.436</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	540.043.448.468	572.696.054.745
<i>Nguyên giá</i>	222		1.613.205.566.904	1.567.028.535.911
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.073.162.118.436)	(994.332.481.166)
Tài sản cố định vô hình	227	9	42.665.949.536	43.370.687.586
<i>Nguyên giá</i>	228		51.212.046.019	50.462.084.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.546.096.483)	(7.091.396.433)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	62.870.988.100	36.829.486.105

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>499.582.134.384</b>	<b>576.300.359.200</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		435.754.797.123	374.530.737.123
Đầu tư dài hạn khác	258		94.887.933.904	238.109.023.033
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(31.060.596.643)	(36.339.400.956)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.255.542.453</b>	<b>6.169.057.552</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.843.741.131	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	5.273.753.022	6.031.009.252
Tài sản dài hạn khác	268		138.048.300	138.048.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.634.393.625.865</b>	<b>2.305.788.526.698</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>938.635.369.571</b>	<b>511.626.764.665</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>889.469.256.095</b>	<b>487.564.491.665</b>
Vay ngắn hạn	311	14	714.178.138.970	327.803.035.686
Phải trả người bán	312		41.460.174.576	55.182.662.872
Người mua trả tiền trước	313	15	29.752.623.024	29.003.589.245
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.980.685.467	18.269.723.234
Phải trả người lao động	315		9.431.820.585	120.004.713
Chi phí phải trả	316	17	60.051.144.927	36.537.488.645
Các khoản phải trả khác	319	18	19.174.814.536	19.188.763.036
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	10.439.854.010	1.459.224.234
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49.166.113.476</b>	<b>24.062.273.000</b>
Vay dài hạn	334	20	49.166.113.476	17.897.563.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	21	-	6.164.710.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>1.695.758.256.294</b>	<b>1.794.161.762.033</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.695.758.256.294</b>	<b>1.794.161.762.033</b>
Vốn cổ phần	411	23	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	7.594.294.697	-
Cổ phiếu quỹ	414	23	(129.471.347.730)	(139.395.212.895)
Quỹ đầu tư phát triển	417		60.085.099.152	4.786.442.297
Quỹ dự phòng tài chính	418		69.054.070.682	41.404.742.255
Lợi nhuận chưa phân phối	420		269.238.139.493	468.107.790.376
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.634.393.625.865</b>	<b>2.305.788.526.698</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012	31/12/2011
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba, hoặc nhận gia công (KG)	6.679.726	1.921.902
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.868.349.860	4.874.675.042
Ngoại tệ (USD)	6.601	94.533
Ngoại tệ (EUR)	500	-

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chủ  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 02 - DN**

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	26	1.962.751.919.403	2.052.983.452.900
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.923.036.716	2.677.734.927
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>1.960.828.882.687</b>	<b>2.050.305.717.973</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	1.590.813.929.308	1.446.936.820.298
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>370.014.953.379</b>	<b>603.368.897.675</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	313.208.759.969	128.915.675.089
Chi phí tài chính	22	29	171.775.061.039	99.596.419.764
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		75.345.627.183	48.666.079.483
Chi phí bán hàng	24		40.496.493.149	25.351.501.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		56.957.642.859	38.387.005.167
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>413.994.516.301</b>	<b>568.949.645.945</b>
Thu nhập khác	31		20.142.772.720	7.492.907.226
Chi phí khác	32		11.866.245.096	5.456.192.196
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>8.276.527.624</b>	<b>2.036.715.030</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>422.271.043.925</b>	<b>570.986.360.975</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	51.380.336.886	24.030.801.680
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	757.256.230	(6.031.009.252)
<b>Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>370.133.450.809</b>	<b>552.986.568.547</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.890	4.027

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Bá Chú  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>422.271.043.925</b>	<b>570.986.360.975</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		81.280.057.510	77.372.853.128
Các khoản dự phòng	03		101.701.159.171	22.394.856.930
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(603.892.001)	-
(Lãi)/lỗ từ bán đầu tư chứng khoán	05		(185.554.905.691)	47.494.859.522
Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan khác	05		(62.578.016.862)	(9.158.460.705)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05		(39.645.920.757)	(106.045.910.094)
Thu nhập cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn	05		(24.935.208.400)	(11.678.510.239)
Chi phí lãi vay	06		75.345.627.183	48.666.079.483
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>367.279.944.078</b>	<b>640.032.129.000</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(260.411.056.188)	(128.074.199.049)
Biến động hàng tồn kho	10		(59.045.765.987)	15.466.978.581
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.197.095.553	20.473.339.515
Biến động chi phí trả trước	12		4.034.821.963	(6.658.481.402)
			<b>58.055.039.419</b>	<b>541.239.766.645</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(79.374.443.157)	(43.591.651.479)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(61.609.058.012)	(31.327.104.828)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	78.626.430.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(29.334.186.634)	(107.208.164.120)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(112.262.648.384)</b>	<b>437.739.276.218</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 - DN**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(89.831.897.139)	(42.048.870.259)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.796.676.910	352.409.091
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan khác	23		(202.500.000.000)	(5.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24		188.406.644.027	8.652.000.000
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24		374.750.000.000	4.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(154.996.215.000)	(267.639.760.156)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		45.169.624.954	21.234.481.904
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>166.794.833.752</b>	<b>(279.649.739.420)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ	31		30.450.000.000	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		(33.231.840.138)	(133.854.735.607)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.250.038.686.148	1.403.328.314.942
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.832.395.032.388)	(1.080.297.963.256)
Tiền trả cổ tức	36		(447.450.011.600)	(385.038.984.290)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(32.588.197.978)</b>	<b>(195.863.368.211)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>21.943.987.390</b>	<b>(37.773.831.413)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>88.725.909.901</b>	<b>126.499.741.314</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>110.669.897.291</b>	<b>88.725.909.901</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía dưới hình thức bán mía giống	234.896.606.576	9.506.242.500
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía cần trừ với khoản phải trả người bán	265.547.681.575	115.814.112.602
Lãi phải thu cần trừ với khoản cho các bên liên quan vay	93.483.547.843	-
Lãi phải thu cần trừ với khoản phải trả người bán	39.971.672.767	62.342.750.945
Cần trừ tiền mua mía với khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	26.270.547.547	6.797.477.271
Lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản	1.203.666.042	-
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	20.300.000.000	-
Phải thu từ bán cổ phiếu của BAC	-	52.250.000.000

Người lập:



Nguyễn Thị Thùy Tiên  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Bá Chủ  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 810 nhân viên (31/12/2011: 741 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này.

Phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn ngoại trừ kết quả hoạt động kinh doanh sau ngày được mua lại được xem xét như khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

##### **(ii) Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác**

Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

#### **(e) Trả trước cho người bán**

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Số dư của các khoản dự phòng tăng hay giảm được ghi nhận như chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	1 – 30 năm

## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

#### **(h) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

##### **(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

##### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

##### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí đổi mới và cải tạo được thể hiện theo nguyên giá ban đầu và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

##### **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

##### **(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

##### **(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

#### **(ii) Dự phòng chi phí bảo trì**

Dự phòng phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì ước tính có thể thực hiện trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và các ước tính tốt nhất từ Ban Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và tình hình tài chính nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể tốt hơn hoặc xấu hơn so với các đánh giá đã được dùng để trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

#### **(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được dựa theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

#### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

## **(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(p) Doanh thu**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.



## **Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

**(ii) Điện**

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp doanh thu đã xuất hóa đơn trong đó doanh thu chỉ bao gồm phần tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng được tính dựa trên tổng khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

### (u) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết.

## 4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	400.448.204	1.633.626.029
Tiền gửi ngân hàng	110.269.449.087	67.092.283.872
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	110.669.897.291	88.725.909.901

## 6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Phải thu từ các cổ đông</b>		
Thương mại	42.132.639.800	-
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>		
Phi thương mại	3.848.954.161	103.004.541.665

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác có đảm bảo, chịu lãi suất từ 15% - 18% (2011: 10% - 18%) năm và phải thu theo yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 160.486 triệu VND và 10.000.000 USD (31/12/2011: 180.446 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

Bao gồm trong trả trước cho người bán có 418.517.643.528 VND và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b> <b>(được phân loại lại)</b>
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	301.317.238.306	172.426.979.535
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	54.686.136.164	60.589.093.860
	<hr/> <hr/>	
	356.003.374.470	233.016.073.395
	<hr/> <hr/>	

Trong năm 2012, Công ty đã căn trừ tổng cộng 265.547.681.575 VND (2011: 115.814.112.602 VND) ứng trước cho nông dân trồng mía với nguyên liệu mua từ nông dân.

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 13,5% năm (2011: 8% đến 13,5%). Khoản ứng trước này được thu hồi trong vòng 4 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b> <b>(được phân loại lại)</b>
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“BAC”), một công ty liên kết	3.848.954.161	50.754.541.665
Phải thu từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một cổ đông, liên quan đến bán cổ phiếu của BAC	-	52.250.000.000
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	43.377.407.139	43.703.159.149
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	20.300.000.000	-
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	848.473.700	725.533.000
Phải thu khác	1.620.402.367	607.130.006
	<hr/> <hr/>	
	69.995.237.367	148.040.363.820
	<hr/> <hr/>	

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	62.041.234.378	57.968.034.089
Công cụ và dụng cụ	64.102.810	367.967.223
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.771.079.175	25.434.395.776
Thành phẩm	207.870.694.011	196.814.681.831
Hàng hóa	9.996.507.532	-
Hàng gửi đi bán	15.887.227.000	-
	<hr/>	<hr/>
	339.630.844.906	280.585.078.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	<hr/>	<hr/>
	339.388.288.019	280.342.522.032
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 60.514 triệu VND (31/12/2011: 562 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	275.022.523.147	1.209.729.966.697	15.623.042.989	7.829.156.931	58.823.846.147	1.567.028.535.911
Tăng trong năm	50.727.273	2.690.784.175	7.191.423.818	466.341.209	19.950.002	10.419.226.477
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.260.582.335	31.814.477.280	5.871.250.000	-	-	41.946.309.615
Thanh lý	-	(1.689.271.754)	(4.499.233.345)	-	-	(6.188.505.099)
Số dư cuối năm	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	126.300.153.826	798.596.163.799	8.994.668.148	6.998.000.520	53.443.494.873	994.332.481.166
Khấu hao trong năm	10.021.998.404	63.790.672.125	2.693.042.636	393.736.136	2.925.908.159	79.825.357.460
Thanh lý	-	(781.631.382)	(214.088.808)	-	-	(995.720.190)
Số dư cuối năm	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	148.722.369.321	411.133.802.898	6.628.374.841	831.156.411	5.380.351.274	572.696.054.745
Số dư cuối năm	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 163.328 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 160.189 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 243.431 triệu VND (31/12/2011: 313.330 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	2.978.329.200	50.462.084.019
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	749.962.000	749.962.000
Số dư cuối năm	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.555.200.148	2.536.196.285	7.091.396.433
Khấu hao trong năm	1.047.782.277	406.917.773	1.454.700.050
Số dư cuối năm	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	42.928.554.671	442.132.915	43.370.687.586
Số dư cuối năm	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 4.155 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 2.713 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 41.881 triệu VND (31/12/2011: 42.929 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	36.829.486.105	17.734.245.747
Tăng trong năm	80.616.336.704	46.393.063.217
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.946.309.615)	(27.297.822.859)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(749.962.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.878.563.094)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	62.870.988.100	36.829.486.105

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Nâng cấp dây chuyền sản xuất	47.333.614.684	29.561.888.744
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	12.917.142.603	5.904.830.663
Khác	2.620.230.813	1.362.766.698
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	62.870.988.100	36.829.486.105

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.204 triệu VND (2011: không).

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

**11. Các khoản đầu tư**

	31/12/2012				31/12/2011			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND (được phân loại lại)
<b>(a) Đầu tư dài hạn</b>								
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123	6.815.148	22,72%	22,72%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	-	-	-	-
				435.754.797.123				374.530.737.123
Đầu tư dài hạn khác:								
▪ Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (iv)				-				100.000.000.000
▪ Đầu tư vào chứng khoán (v)				93.772.155.000				136.945.094.309
▪ Đầu tư dài hạn khác				1.115.778.904				1.163.928.724
				94.887.933.904				238.109.023.033
								720.391.686.663
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(31.060.596.643)				(36.339.400.956)
				499.582.134.384				576.300.359.200

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND (được phân loại lại)
<b>(b) Đầu tư ngắn hạn</b>		
Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon		
An Hòa (iv)	297.983.547.843	90.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	358.494.207
	297.983.547.843	90.358.494.207
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(95.524.943.609)	-
	202.458.604.234	90.358.494.207
Số dư cuối năm	202.458.604.234	90.358.494.207

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
- (iii) Trong năm, Công ty mua 2.040.802 cổ phiếu (24,89%) của Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”). Đường La Ngà được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu, chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp, chế biến thức ăn gia súc, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, sản xuất và cung cấp giống cây, sản xuất nước sạch, điện, sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ, sửa chữa, sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí, mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(iv) Các khoản vay này thể hiện khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết, không được bảo đảm và chịu lãi suất dao động từ 15% - 18,5% một năm (2011: 10% - 18,5% năm). Trong năm, lãi lũy kế tương đương 93.483.547.843 VND (2011: không) được chuyển sang khoản vay gốc.

(v) Đầu tư vào chứng khoán bao gồm:

	<b>2012</b>		<b>2011</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	2.500.000	48.823.125.000	-	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	2.996.602	44.949.030.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Thuyết minh 28)	-	-	7.500.000	106.794.285.834
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Thương Tín (Thuyết minh 28)	-	-	4.000.000	30.150.808.475
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.496.602</b>	<b>93.772.155.000</b>	<b>11.500.000</b>	<b>136.945.094.309</b>

Biến động đầu tư trong năm như sau:

	<b>Ngắn hạn</b>		<b>Dài hạn</b>	
	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>(được phân loại lại)</b>		<b>(được phân loại lại)</b>
Số dư đầu năm	90.358.494.207	94.010.494.207	612.639.760.156	349.800.000.000
Tăng trong năm	295.983.547.843	5.000.000.000	154.996.215.000	267.639.760.156
Chuyển đầu tư dài hạn sang đầu tư ngắn hạn	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Thanh lý	-	-	(136.945.094.309)	(4.800.000.000)
Giảm trong năm	(188.358.494.207)	(8.652.000.000)	(48.149.820)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>297.983.547.843</b>	<b>90.358.494.207</b>	<b>530.642.731.027</b>	<b>612.639.760.156</b>



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2012 VND	2011 VND (được phân loại lại)	2012 VND	2011 VND (được phân loại lại)
Số dư đầu năm	-	-	36.339.400.956	3.971.763.284
Tăng trong năm	95.524.943.609	-	1.672.004.162	32.539.850.342
Sử dụng trong năm	-	-	(6.950.808.475)	(172.212.670)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>95.524.943.609</b>	<b>-</b>	<b>31.060.596.643</b>	<b>36.339.400.956</b>

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tăng trong năm	3.808.919.168	2.063.833.803
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.878.563.094	-
Phân bổ trong năm	(7.843.741.131)	(2.063.833.803)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.843.741.131</b>	<b>-</b>

## 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

## 14. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND (được phân loại lại)
Vay ngắn hạn	691.332.892.670	324.971.693.686
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	22.845.246.300	2.831.342.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>714.178.138.970</b>	<b>327.803.035.686</b>

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2011 VND	31/12/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn:</b>				
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	8% - 16,5%	197.840.478.236	24.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	USD	3,64% - 4,3%	92.588.350.000	-
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	9,5% - 16,5%	196.832.871.434	50.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	8,3% - 15,2%	115.250.000.000	1.563.705.924
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	VND	9,5% - 17,5%	88.821.193.000	111.977.987.762
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND		-	75.000.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND		-	57.430.000.000
• Ngân hàng TMCP Quân đội	VND		-	5.000.000.000
			<hr/>	<hr/>
			691.332.892.670	324.971.693.686

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (31/12/2011: 8 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 33.741 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 82.700 triệu VND và 10 triệu USD (31/12/2011: quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh: 34.470 triệu VND và các khoản phải thu: 180.446 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2011: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 143.012 triệu VND và 8.140 triệu VND (31/12/2011: nhà cửa 124.888 triệu VND và quyền sử dụng đất 8.459 VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (31/12/2011: 3 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 77.786 triệu VND và 60.514 triệu VND (31/12/2011: khoản phải thu 872 triệu VND và 562 triệu VND).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2011: 247.500 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: 124.888 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**15. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	29.374.700.000	23.344.200.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công để mua mật đường - cô đồng	-	951.702.400
Người mua trả tiền trước	377.923.024	4.707.686.845
	<hr/>	<hr/>
	29.752.623.024	29.003.589.245
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là khoản tạm ứng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất vào năm 2013.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.037.873.582
Thuế giá trị gia tăng	4.980.685.467	10.026.299.830
Thuế thu nhập cá nhân	-	205.549.822
	<hr/>	<hr/>
	4.980.685.467	18.269.723.234
	<hr/>	<hr/>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua mía phải trả	52.035.661.600	26.986.689.250
Phí vận chuyển và bốc dỡ	3.228.683.000	1.941.409.660
Chi phí lãi vay	2.430.989.432	5.074.428.004
Phép năm chưa được chi trả	1.197.102.280	1.227.157.930
Chi phí khác	1.158.708.615	1.307.803.801
	<hr/>	<hr/>
	60.051.144.927	36.537.488.645
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**18. Phải trả khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Thu hoạch, đặt cọc vận chuyển và phải trả cho nông dân trồng mía tại Tây Ninh	16.528.681.190	16.795.279.245
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	757.828.110	467.539.710
Khác	688.305.236	725.944.081
	19.174.814.536	19.188.763.036
	19.174.814.536	19.188.763.036

Bao gồm trong tổng các khoản phải trả có khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Khoản phi thương mại phải trả cho các công ty liên quan khác	757.828.110	467.539.710
	757.828.110	467.539.710
	757.828.110	467.539.710

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.459.224.234	552.841.239
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	38.314.816.410	29.109.818.815
Sử dụng quỹ	(29.334.186.634)	(28.203.435.820)
	10.439.854.010	1.459.224.234
	10.439.854.010	1.459.224.234

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**20. Vay dài hạn**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b> <b>(được phân loại</b> <b>lại)</b>
Vay dài hạn	72.011.359.776	20.728.905.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(22.845.246.300)	(2.831.342.000)
	<hr/> 49.166.113.476	<hr/> 17.897.563.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Tiền</b> <b>tệ</b>	<b>Lãi</b> <b>suất</b>	<b>Năm đáo</b> <b>hạn</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn không được đảm bảo					
• Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2013-2020	17.897.563.000	20.283.905.000
Vay dài hạn được đảm bảo					
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (ii)	VND	14%	2013-2015	49.902.796.776	-
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (iii)	VND	11,4%	2013-2016	4.211.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND			-	445.000.000
				<hr/> 72.011.359.776	<hr/> 20.728.905.000

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2011: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 77.500 triệu VND (31/12/2011: không). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả mỗi kỳ sáu tháng và kỳ cuối cùng vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: không) .
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (31/12/2011: 0 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 quý, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 2.500 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**21. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.164.710.000	6.011.137.500
Dự phòng lập trong năm	587.555.250	155.072.500
Dự phòng sử dụng trong năm	(408.455.000)	(1.500.000)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.343.810.250)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	6.164.710.000

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 433 triệu VND (31/12/2011: 393 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN****22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	1.419.258.000.000	-	(5.540.477.288)	4.936.442.297	24.143.137.255	346.805.553.696	1.789.602.655.960
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(133.854.735.607)	-	-	-	(133.854.735.607)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	553.180.184.495	553.180.184.495
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	-	17.261.605.000	(46.371.423.815)	(29.109.818.815)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(385.506.524.000)	(385.506.524.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	370.133.450.809	370.133.450.809
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(447.740.300.000)	(447.740.300.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	1.419.258.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ – mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(10.500.000)	(105.000.000.000)	(11.344.100)	(113.441.000.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá</b>				
Cổ phiếu phổ thông	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	130.581.700	1.305.817.000.000	141.252.330	1.412.523.300.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(2.655.900)	(26.559.000.000)	(10.670.630)	(106.706.300.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	3.500.000	35.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Biên động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	139.395.212.895	5.540.477.288
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	33.231.840.138	133.854.735.607
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	(43.155.705.303)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	129.471.347.730	139.395.212.895

Trong năm, Công ty đã quyết định mua 2.655.900 cổ phiếu quỹ từ các cổ đông với giá dao động từ 12.004 VND đến 13.956 VND và phát hành lại 3.500.000 cổ phiếu quỹ với giá 14.500 VND. Cổ phiếu quỹ được mua lại vào tháng 1 và tháng 2 năm 2012 và phát hành lại vào tháng 12 năm 2012.

## **24. Cổ tức**

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 255.851 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011. Và cuộc họp của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 10 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 191.889 triệu VND tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu cho giai đoạn đầu tiên trong năm 2012 (2011: cổ tức bằng tiền tương đương 385.506 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010).

## **25. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

### **(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### **(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm giúp các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**26. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	1.708.602.729.126	1.840.605.755.451
▪ Bán mật đường	76.114.651.622	137.159.671.517
▪ Bán điện	43.979.441.100	41.473.764.030
▪ Bán phân bón	100.485.008.141	-
▪ Khác	33.570.089.414	33.744.261.902
	<hr/>	<hr/>
	1.962.751.919.403	2.052.983.452.900
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.923.036.716)	(2.677.734.927)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.960.828.882.687	2.050.305.717.973
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn đường	1.365.479.758.664	1.253.779.214.818
Giá vốn mật đường	75.219.700.69	137.561.649.258
Giá vốn điện	38.389.857.364	39.233.208.712
Giá vốn phân bón	97.422.970.892	-
Khác	14.301.641.697	16.362.747.510
	<hr/>	<hr/>
	1.590.813.929.308	1.446.936.820.298
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	39.645.920.757	106.045.910.094
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	6.191.995.651	3.481.170.443
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	56.386.021.211	5.677.290.262
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	24.935.208.400	11.678.510.239
Lãi từ các khoản đầu tư vào các đơn vị đồng kiểm soát	-	1.044.229.261
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	494.708.259	868.564.790
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán (*)	185.554.905.691	-
Khác	-	120.000.000
	313.208.759.969	128.915.675.089

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2012, theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty ký hợp đồng với một bên liên quan (“Người được Ủy quyền”) để bán 7.500.000 cổ phiếu của Sacombank (“STB”) với giá ủy thác không thấp hơn giá thị trường trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày giao dịch. Trong tháng 5 năm 2012, Người được Ủy quyền, thay mặt Công ty, đã bán số cổ phiếu này với giá thương lượng cao hơn giá niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, Công ty ghi nhận lãi ban đầu của giao dịch này là 80,705,714,166 VND theo tham chiếu với giá thị trường tại ngày giao dịch là 25.000 VND/cổ phiếu. Người được Ủy quyền nhận được tiền hoa hồng là mức chênh lệch so với giá thị trường 25.000 VND/cổ phiếu tại ngày giao dịch. Tuy nhiên, do tình hình hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty gặp khó khăn nên theo thỏa thuận với Công ty ngày 17 tháng 12 năm 2012, người được Ủy quyền tự nguyện trả lại tiền hoa hồng nhận được từ giao dịch này là 75.000.000.000 VND cho Công ty. Do đó, tổng lãi từ bán cổ phiếu STB được ghi nhận trong doanh thu hoạt động tài chính trong năm là 155.705.714.166 VND. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, khoản này đã được thanh toán đủ.

**29. Chi phí tài chính**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	75.345.627.183	48.666.079.483
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	94.750.350.696	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	463.824.897	2.972.278.380
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	47.494.859.522
Khác	1.215.258.263	463.202.379
	171.775.061.039	99.596.419.764

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**30. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	49.859.780.069	23.837.185.732
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.520.556.817	193.615.948
	51.380.336.886	24.030.801.680
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	757.256.230	(6.031.009.252)
	52.137.593.116	17.999.792.428
	52.137.593.116	17.999.792.428

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	422.271.043.925	570.986.360.975
	422.271.043.925	570.986.360.975
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	42.227.104.393	57.098.636.098
Ưu đãi thuế	(7.976.550.650)	(38.375.671.584)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động kinh doanh và các khoản thu nhập khác	22.456.533.983	4.891.795.896
Chi phí không được khấu trừ thuế	143.750.673	398.954.497
Thu nhập không bị tính thuế	(6.233.802.100)	(2.919.627.560)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trước đây	-	(3.287.910.867)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.520.556.817	193.615.948
	52.137.593.116	17.999.792.428
	52.137.593.116	17.999.792.428

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy phép đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% thuế thu nhập trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

**31. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 370.133 triệu VND (31/12/2011: 552.987 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 128.083.124 cổ phiếu (31/12/2011: 137.314.053), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	370.133.450.809	552.986.568.547

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	130.581.700	141.252.330
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(2.531.090)	(3.938.277)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	32.514	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	128.083.124	137.314.053

## 32. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

#### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(*)	110.269.449.087	87.092.283.872
Khoản vay cho các công ty liên quan	(**)	297.983.547.843	90.358.494.207
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	334.027.614.306	328.766.521.396
Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía (Thuyết minh 6)	(****)	332.961.000.229	214.477.910.554
		<hr/>	<hr/>
		1.075.241.611.465	720.695.210.029

#### (\*) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(\*\*)** ***Khoản vay cấp cho công ty liên quan***

Ban Giám đốc của Công ty đã xem xét mức độ rủi ro cũng như các biện pháp thu hồi nợ theo từng đối tượng vay. Việc trích lập dự phòng xảy ra khi mà Ban Giám đốc thấy cần thiết và dựa trên các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**(\*\*\*)** ***Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác***

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chưa quá hạn	257.787.899.165	328.486.529.801
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	76.239.715.141	279.991.595
	<hr/>	<hr/>
	334.027.614.306	328.766.521.396
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(\*\*\*\*)** ***Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía***

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản ứng trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản ứng trước như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Chưa quá hạn	328.284.560.532	201.928.894.792
Quá hạn trên 180 ngày	4.676.439.697	12.549.015.762
	332.961.000.229	214.477.910.554

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b> <b>(được phân loại</b> <b>lại)</b>
Số dư đầu năm	18.538.162.841	480.225.243
Tăng trong năm	4.504.211.400	18.258.171.246
Hoàn nhập	-	(200.233.648)
	23.042.374.241	18.538.162.841

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.



**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)	691.332.892.670	713.203.342.136	713.203.342.136	-	-	-
Phải trả người bán	41.460.174.576	41.460.174.576	41.460.174.576	-	-	-
Phải trả người lao động	9.431.820.585	9.431.820.585	9.431.820.585	-	-	-
Chi phí phải trả	60.051.144.927	60.051.144.927	60.051.144.927	-	-	-
Các khoản phải trả khác	19.174.814.536	19.174.814.536	19.174.814.536	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	72.011.359.776	86.159.311.532	25.645.576.282	27.764.824.901	26.363.958.258	6.384.952.091
	<b>893.462.207.070</b>	<b>929.480.608.292</b>	<b>868.966.873.042</b>	<b>27.764.824.901</b>	<b>26.363.958.258</b>	<b>6.384.952.091</b>

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)	324.971.693.686	335.025.876.407	335.025.876.407	-	-	-
Phải trả người bán	55.182.662.872	55.182.662.872	55.182.662.872	-	-	-
Phải trả người lao động	120.004.713	120.004.713	120.004.713	-	-	-
Chi phí phải trả	36.537.488.645	36.537.488.645	36.537.488.645	-	-	-
Các khoản phải trả khác	19.188.763.036	19.188.763.036	19.188.763.036	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	20.728.905.000	24.610.030.732	3.777.548.123	3.140.781.941	8.752.889.393	8.938.811.275
	<b>456.729.517.952</b>	<b>470.664.826.405</b>	<b>449.832.343.796</b>	<b>3.140.781.941</b>	<b>8.752.889.393</b>	<b>8.938.811.275</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do hầu hết các giao dịch đều thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ chức năng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>USD</b>	<b>EUR</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.601	500
Trả trước cho người bán	215.775	111.421
Vay ngắn hạn	(4.400.000)	-
	<hr/>	
	(4.177.624)	111.921
	<hr/>	

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
1 USD	20.815	21.030
1 EUR	27.371	27.282
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND**

USD (yếu đi 1%)	(782.615)
EUR (mạnh thêm 1%)	27.571

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	297.983.547.843	90.358.494.207
Vay dài hạn	(72.011.359.776)	(20.728.905.000)
	<hr/>	<hr/>
	225.972.188.067	89.629.589.207
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	110.269.449.087	67.092.283.872
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	301.317.238.306	172.426.979.535
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	54.686.136.164	60.589.093.860
Vay ngắn hạn	(691.332.892.670)	(324.971.693.686)
	<hr/>	<hr/>
	(225.060.069.113)	(24.863.336.419)
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 3.173 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

## Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN**

#### (e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

*Tiền, khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác:*

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

*Vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của khoản vay và ứng trước cho nông dân trồng mía được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xấp xỉ với giá trị ghi sổ được ghi nhận.

*Đầu tư vào vốn chủ sở hữu*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

### 33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
<b>Cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)</b>		
Bán hàng hóa	60.009.516.860	293.503.460.537
Mua đường thô	213.574.000.000	100.000.000.000
Đặt cọc nhận được	-	55.000.000.000
Trả tiền đặt cọc	52.250.000.000	-
Lãi phải thu	9.870.642.525	5.045.899.730
Lãi phải trả	2.442.568.333	3.770.000.000
Cho vay	188.000.000.000	-
Ứng tiền mua đường và mật đường	134.537.560.000	396.439.100.000
Chi phí quản lý	5.627.000.000	-

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa</b>		
Lãi cho vay	46.577.960.336	31.546.969.364
Thu nợ gốc	-	8.652.000.000
Cho vay	107.983.547.843	5.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa</b>		
Bán hàng	11.942.561.446	28.585.423.478
Mua hàng	3.188.429.301	1.183.506.528
Nhận cổ tức	20.445.444.000	8.420.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đường La Ngà</b>		
Nhận cổ tức	4.489.764.400	-
<b>Công ty TNHH Đặng Thành</b>		
Bán cổ phiếu La Ngà	6.900.000.000	-
Bán hàng hóa	-	34.290.249.996
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	2.954.676.000	1.185.383.408

(\*) Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thành Thành Công đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

**34. Cam kết****(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	64.692.932.637	82.425.530.394
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	46.646.303.584	58.551.973.875
	111.339.236.221	140.977.504.269

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN**

- (\*) Trong khoản cam kết vốn đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng bao gồm 45.223 triệu VND cam kết vốn phải trả cho Tập đoàn Toàn Thịnh Phát cho việc xây dựng Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 đường 30/4, phường 2, tỉnh Tây Ninh. Công trình xây dựng dự kiến hoàn tất trong năm 2013.

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	293.877.817	983.740.006

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.402.257.095.037	1.213.781.516.219
Chi phí nhân công	76.383.072.198	55.713.759.772
Chi phí khấu hao	81.280.057.510	77.372.853.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.504.983.772	123.889.285.973
Chi phí khác	26.842.856.799	39.917.912.261

**Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

**36. Số liệu so sánh**

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>31/12/2011 VND (được phân loại lại)</b>	<b>31/12/2011 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	90.358.494.207	137.329.389.791
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(12.363.877.320)
Trả trước cho người bán	237.403.931.948	93.512.540.679
Các khoản phải thu khác	148.040.363.820	238.040.363.820
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(18.538.162.841)	(279.991.595)
Phải thu dài hạn khác	60.589.093.860	100.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	238.109.023.033	222.792.324.644
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(36.339.400.956)	(42.233.694.882)
Vay ngắn hạn	(327.803.035.686)	(327.358.035.686)
Phải trả người bán	(55.182.662.872)	(72.356.374.938)
Vay dài hạn	(17.897.563.000)	(18.342.563.000)

**(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

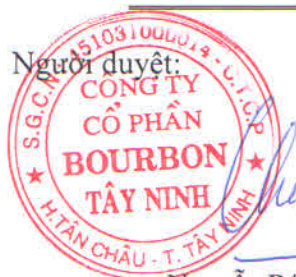
	<b>31/12/2011 VND (được phân loại lại)</b>	<b>31/12/2011 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	437.739.276.218	435.044.836.307
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	(279.649.739.420)	(276.955.299.509)

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thủy Tiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Chủ  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013



